

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

Bản án số: 272/2026/DSST

Ngày: 30 – 6 – 2026.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp
hụi*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Nguyễn Minh Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đoàn Quốc Cường**

2. Ông **Huỳnh Duy Hòa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Mai Hương** – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ tham gia phiên
tòa:** Bà **Lâm Thị Kim Thoa** – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2026/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2026/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng X**, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn V**, sinh năm 1981 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị Bích G**, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp N, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng X trình bày và yêu cầu:

Do quen biết, bà có tham gia các dây hụi do vợ chồng ông **Trần Văn V**, bà **Nguyễn Thị Bích G** làm chủ và ông **V**, bà **G** còn nợ bà số tiền hụi cụ thể như sau:

+ Dây hụi mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 30/9/2020 âm lịch, gồm 15 phần, bà đã đóng 14 phần, tổng số tiền 70.000.000 đồng.

+ Dây hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 20/3/2023 âm lịch, gồm 33 phần, bà tham gia 02 phần, đóng 01 phần được 54.000.000 đồng, phần còn lại bà hốt còn nợ lại 12.000.000 đồng.

+ Dây hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 10/02/2024 (al), gồm 28 phần, bà tham gia 03 phần, bà đã đóng 16 phần với số tiền 96.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà đã đóng và trừ 12.000.000 đồng hụi chết, còn lại 208.000.000 đồng. Đến ngày 10/6/2025 âm lịch, bà liên lạc ông V, bà G để nhận tiền hụi mùa hốt cuối thì vợ chồng ông V, bà G không giao và chặn điện thoại, tin nhắn, cắt đứt liên lạc với bà. Bà nhiều lần đến nhà thì ông V, bà G không có ở nhà. Nay bà yêu cầu ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Bích G trả cho bà tổng số tiền hụi 208.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 10/6/2025 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trần Văn V trình bày:

Ông thừa nhận vợ ông là bà Nguyễn Thị Bích G có làm chủ hụi, bà Nguyễn Thị Hồng X có tham gia hụi và vợ chồng ông còn nợ bà X tổng số tiền 148.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi 148.000.000 đồng, giữ nguyên yêu cầu tính lãi chậm trả; Bị đơn vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về việc giải quyết vụ án:* Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đã được xem xét, đối chiếu với các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hụi và tiền lãi nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ theo quy định tại

khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bị đơn ông Trần Văn V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Bích G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông V, bà G trả số tiền hui 148.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả kể từ ngày 10/6/2025 âm lịch (tức ngày 04/7/2025 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/6/2026 dương lịch) theo lãi suất pháp luật quy định. Đây là sự tự định đoạt của đương sự, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Nguyên đơn và bị đơn ông Trần Văn V thống nhất ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Bích G còn nợ bà Nguyễn Thị Hồng X tổng số tiền hui 148.000.000 đồng nên thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ xác định ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Bích G còn nợ bà Nguyễn Thị Hồng X tiền hui 148.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Do ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Bích G vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà X yêu cầu ông V, bà G trả tiền gốc 148.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo lãi suất pháp luật quy định kể từ ngày 10/6/2025 âm lịch (tức ngày 04/7/2025 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/6/2026 dương lịch) là phù hợp với quy định tại Điều 280 và Điều 357 Bộ luật Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng lãi suất 0,83%/tháng, tương đương 9,96%/năm. Số tiền lãi do ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Bích G chậm trả tiền cho bà Nguyễn Thị Hồng X tính từ ngày 04/7/2025 đến ngày 30/6/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 148.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 11 tháng 26 ngày = 14.557.000 đồng.

[3.3] Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận; Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15;

Điều 280; Điều 357; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng X.

2. Buộc ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Bích G trả cho bà Nguyễn Thị Hồng X tổng số tiền là 162.577.000 đồng (*Một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*), trong đó tiềnhui là 148.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu đồng*), tiền lãi do chậm trả tính từ ngày 04/7/2025 đến ngày 30/6/2026 là 14.557.000 đồng (*Mười bốn triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị Bích G phải chịu 8.129.000 đồng (*Tám triệu một trăm hai mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Hồng X được nhận lại 5.200.000 đồng (*Năm triệu hai trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số: 0007822 ngày 22/4/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ.
- THADS TP. Cần Thơ;
- Lưu

Phan Nguyễn Minh Trí